CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP

Ngày 28/06/2024	4,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**10.5%**	**23.5%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,400 - 6,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	462
Số lượng CPLH (CP)	110,113,591
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,415
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.58
EPS	-16
P/E	-269.2

DT thuần
Q2/24
367
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 38.0| 11.5%
YoY: ▲ 39.0| 11.8%

LN thuần
Q2/24
24.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.5| 749%
YoY: ▲ 20.6| 509%

LN sau thuế
Q2/24
24.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 30.1| 580%
YoY: ▲ 24.5| 6285%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
8.0%
YoY: +/-▲ 8.3%

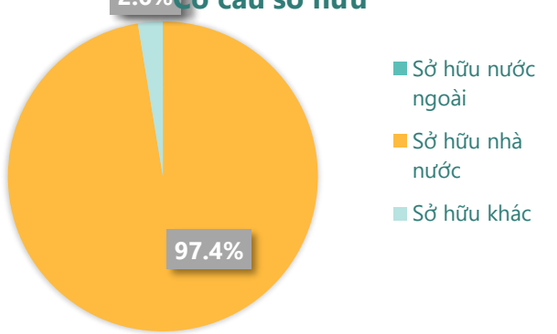
ROE (TTM)
Q2/24
-0.1%
YoY: +/-▲ 0.8%

DT thuần
6T 2024
696
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 91.0| 15.1%

LN thuần
6T 2024
20.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 46.8| 181%

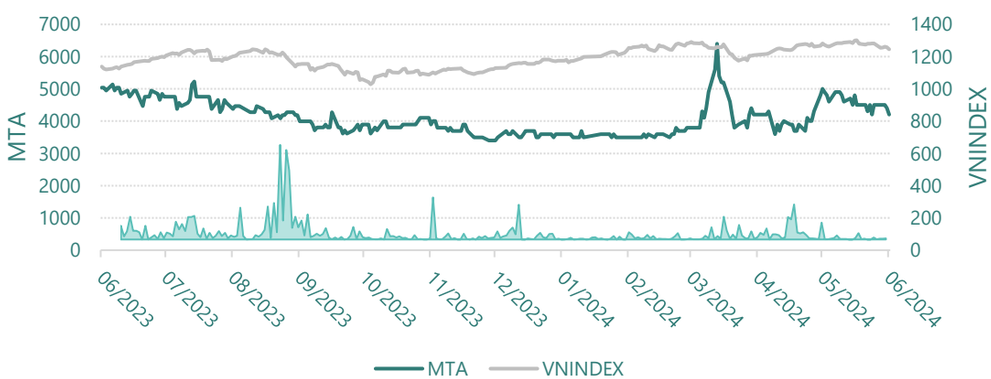
LN sau thuế
6T 2024
19.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 50.1| 165%

Cơ cấu sở hữu

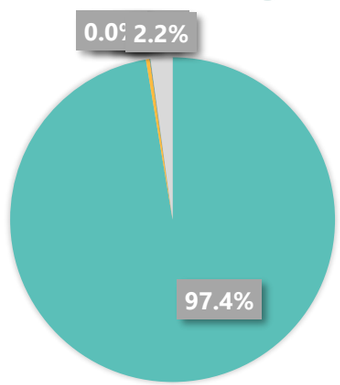


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

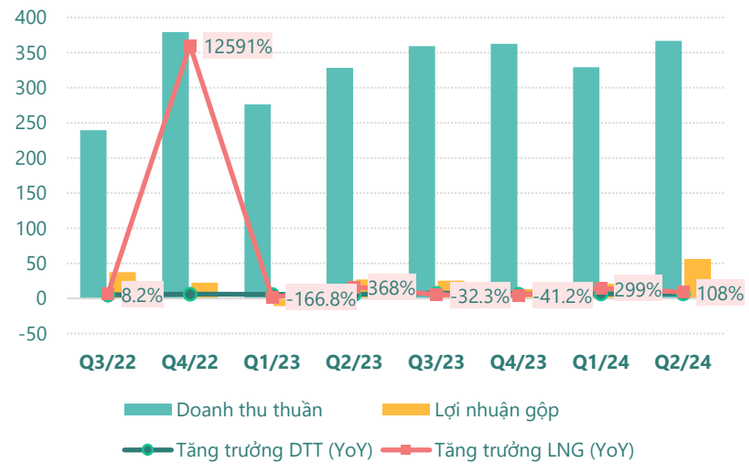




(Nguồn: fireant.vn)

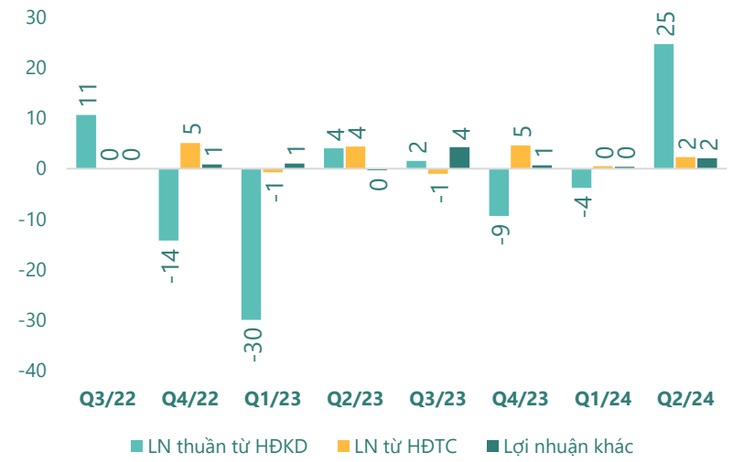
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



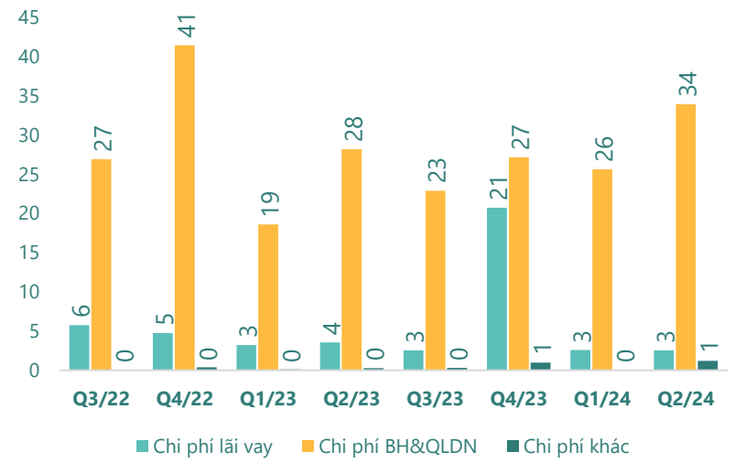
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



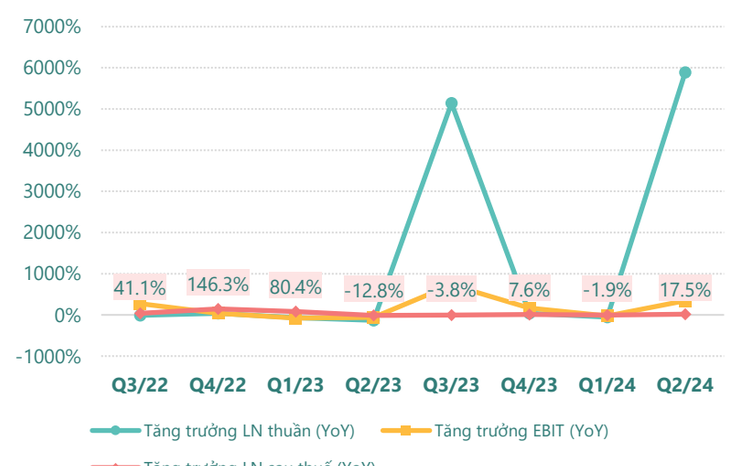
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



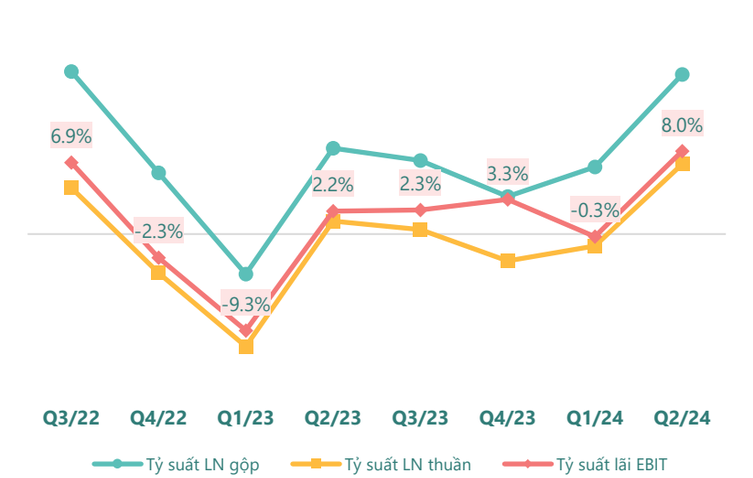
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



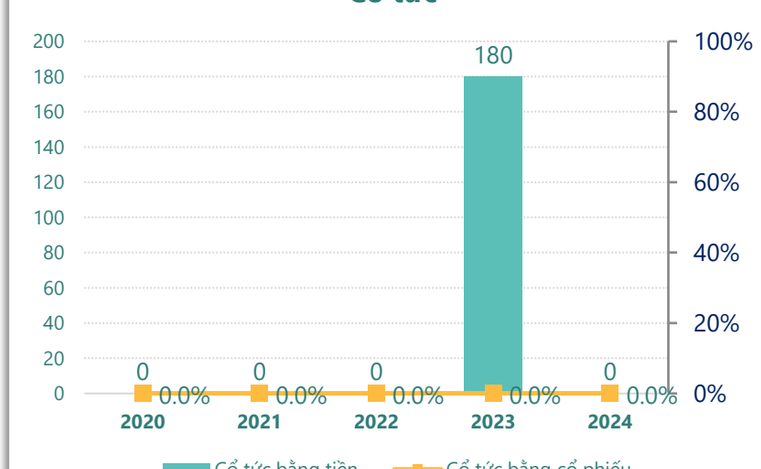
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

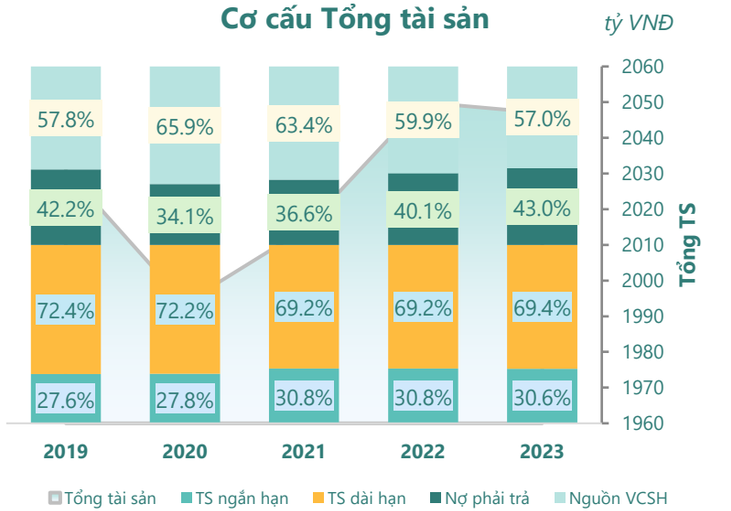
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

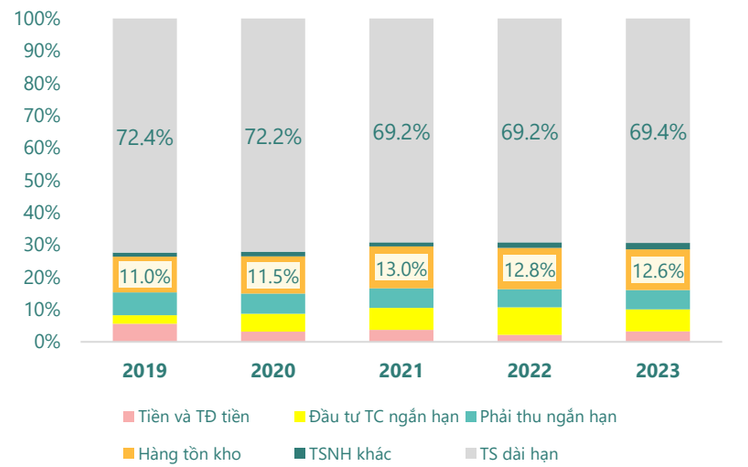
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



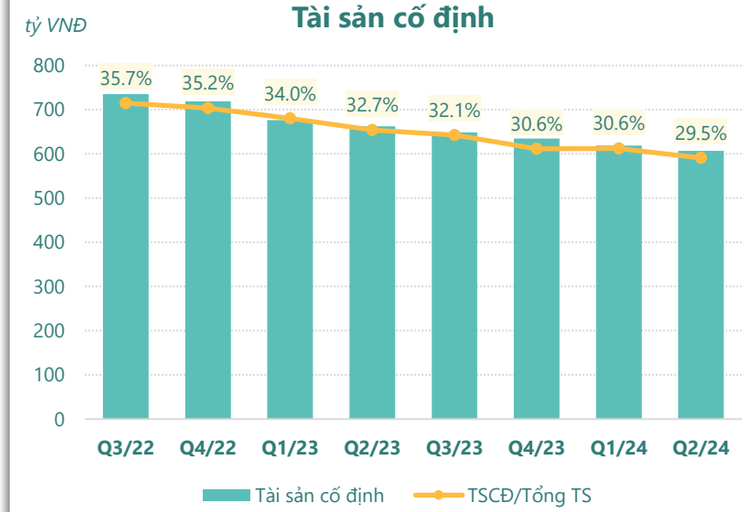
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



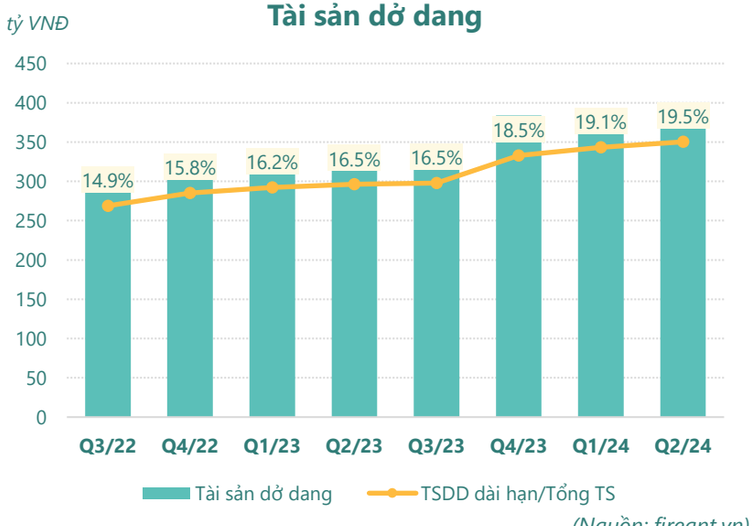
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



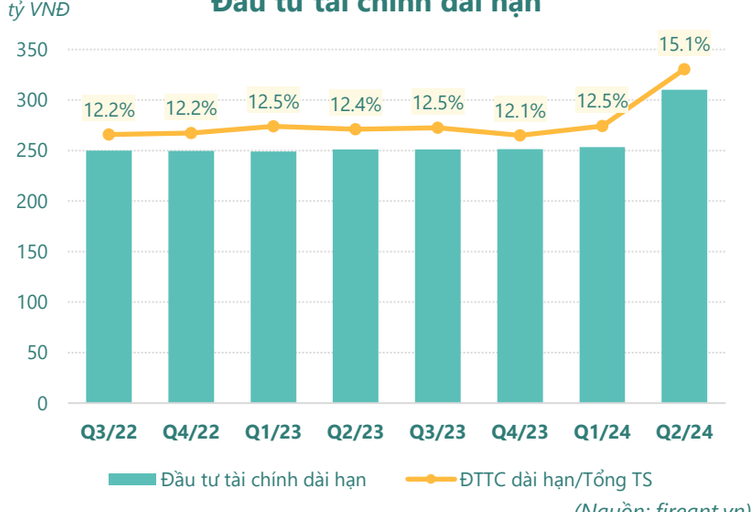
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



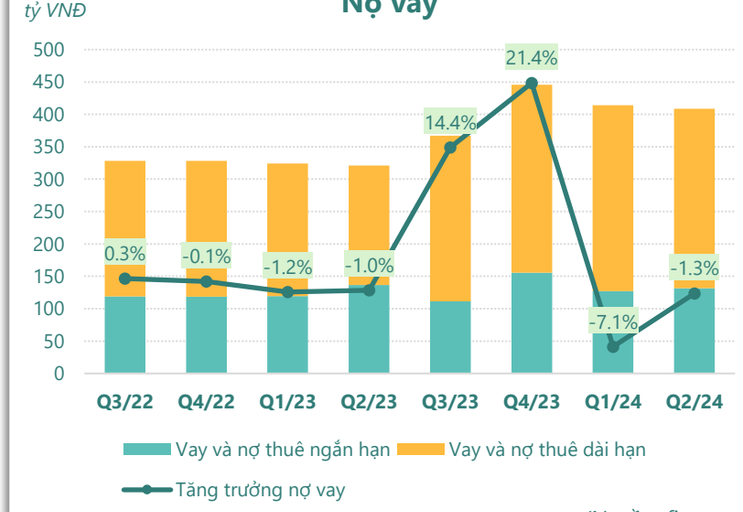
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

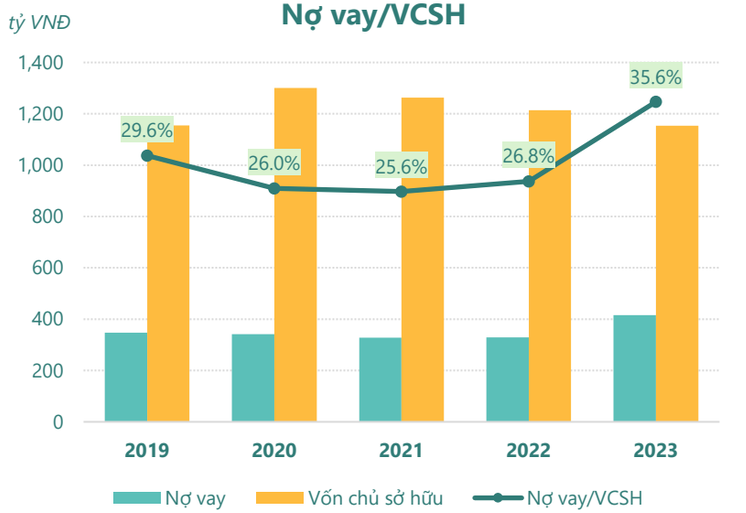
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

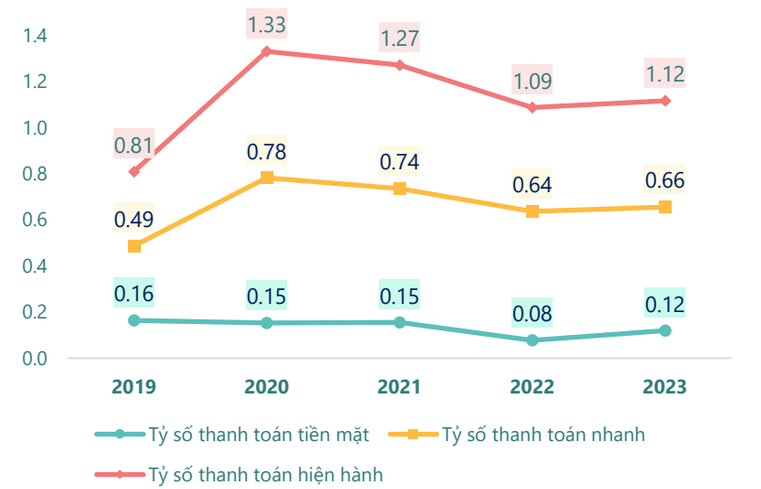
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



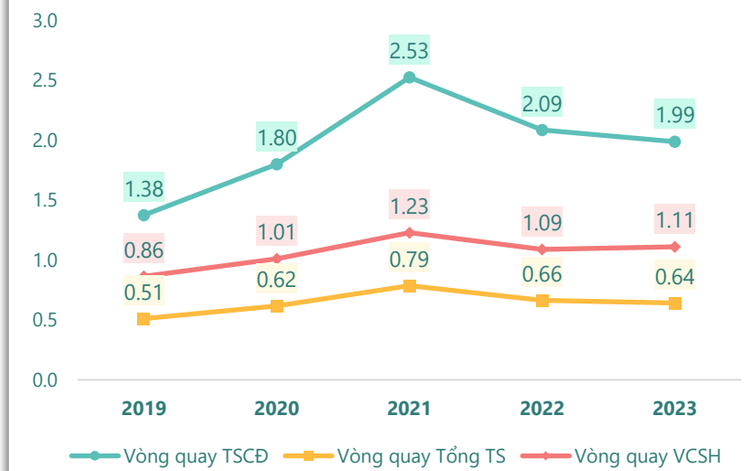
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



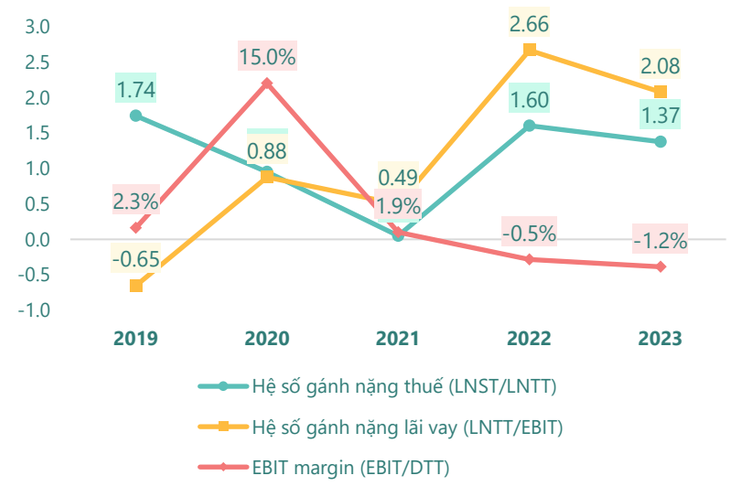
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



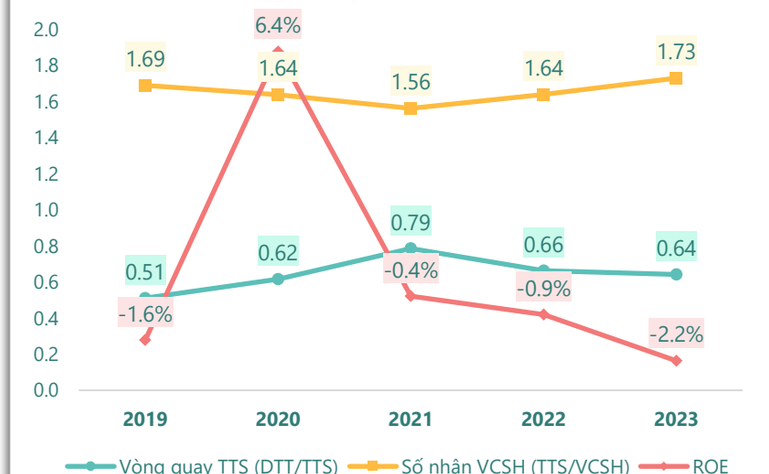
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



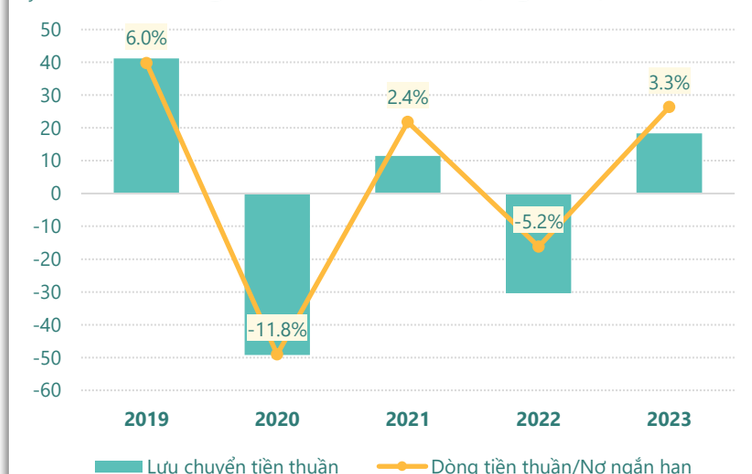
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**367**	**328**	**11.8%**	**696**	**605**	**15.1%**
Giá vốn hàng bán	310	301	3.1%	618	588	5.1%
Lợi nhuận gộp	56.4	27.2	107%	77.7	16.5	372%
Doanh thu HĐTC	7.29	9.75	-25.2%	10.4	12.4	-16.6%
Chi phí TC	5.01	5.35	-6.3%	7.59	8.72	-12.9%
Chi phí lãi vay	2.56	3.54	-27.8%	5.13	6.77	-24.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.71**	**-100%**	**0**	**0.71**	**-100%**
Chi phí bán hàng	8.60	8.31	3.5%	15.9	13.5	18.1%
Chi phí QLDN	**25.3**	**19.9**	**27.3%**	**43.7**	**33.3**	**31.0%**
LN thuần từ HĐKD	24.7	4.06	509%	20.9	-25.9	181%
Lợi nhuận khác	**2.07**	**-0.33**	**728%**	**2.48**	**0.69**	**262%**
LN trước thuế	26.8	3.74	617%	23.4	-25.2	193%
Lợi nhuận sau thuế	**24.9**	**0.39**	**6285%**	**19.7**	**-30.4**	**165%**
LNST của CĐ cty mẹ	**11.1**	**1.55**	**614%**	**5.66**	**-14.5**	**139%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.56	2.58	13.0	-13.2	-12.7	40.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.06	-7.45	2.69	-32.6	-0.50	-25.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.44	4.88	-8.54	50.8	-4.06	-10.1
Tiền đầu kỳ	44.8	39.9	41.1	41.1	67.1	47.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.93**	**0.01**	**7.19**	**5.03**	**-17.3**	**4.52**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	1.22	0.20	12.9	-2.44	2.44
Tiền cuối kỳ	39.9	41.1	48.5	59.1	47.4	54.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,054**	**2,047**	**0.3%**
Tài sản ngắn hạn	590	627	-5.8%
Tiền và tương đương tiền	54.3	67.1	-19.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	93.1	138	-32.6%
Phải thu ngắn hạn	134	123	9.1%
Hàng tồn kho	263	258	1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	45.7	40.4	13.1%
Tài sản dài hạn	**1,463**	**1,420**	**3.0%**
Phải thu dài hạn	5.76	5.76	0.0%
Tài sản cố định	607	634	-4.3%
Bất động sản đầu tư	70.5	71.6	-1.5%
Tài sản dở dang	400	384	4.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	310	252	22.9%
Tài sản dài hạn khác	**70.6**	**73.0**	**-3.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	881	880	0.1%
Nợ ngắn hạn	**565**	**562**	**0.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	131	139	-5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	195	201	-2.8%
Nợ dài hạn	316	318	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	277	277	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,173**	**1,167**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**1,159**	**1,154**	**0.5%**
Vốn điều lệ	1,101	1,101	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**13.4**	**13.7**	**-2.1%**

(Nguồn: fireant.vn)